

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/LĐ-ST

Ngày: 01-6-2022

V/v Tranh chấp lao động
về trường hợp bị đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động
và tranh chấp bảo hiểm xã hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thái Văn Sơn;
- Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Nguyễn Thị Huyền-Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 04/2022/TLST-LĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp lao động về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2022/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2022/QĐST-LĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Ánh Ng, sinh năm: 1972 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 60, đường số 792, tổ 8, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Liên doanh E (Vắng mặt).

Địa chỉ: KM 11 Quốc lộ 22, ấp Tr, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Nguyễn Nhật Tr, sinh năm: 1968.

Chức vụ: Tổng giám đốc (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 19F/20 đường B, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội huyện C.

Địa chỉ: Số 174/1 Tỉnh lộ 8, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Anh K, sinh năm: 1972. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm: 1981. Chức vụ: Chuyên viên (Xin vắng mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số 203/UQ-BHXX ngày 29/3/2022 của Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 24/11/2021, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là bà Lê Ánh Ng trình bày:*

Bà vào làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Liên doanh E (sau đây gọi tắt là Công ty E) vào năm 2004. Đến ngày 02/01/2014 bà ký Phụ lục Hợp đồng lao động số 01/202/PLHD-2014 với mức lương làm căn cứ nộp bảo hiểm xã hội là 3.344.379đ, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Ngày 18/6/2021, Công ty E ban hành Quyết định cho thôi việc số 07/57 QĐ.NV.21 đối với bà với lý do cho người lao động thôi việc vì lý do kinh tế, thời điểm này mức lương làm căn cứ nộp bảo hiểm xã hội của bà là 5.475.000đ. Do Công ty E đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật, không đóng bảo hiểm xã hội cho bà nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết:

1. Buộc Công ty E trả tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội trong những ngày bà Ng không được làm việc tính từ ngày 19/6/2021 đến khi vụ án được đưa ra xét xử với mức lương làm căn cứ nộp bảo hiểm xã hội bà thực nhận là 5.475.000đ/tháng;

2. Buộc Công ty E bồi thường 02 tháng tiền lương với mức lương làm căn cứ nộp bảo hiểm xã hội bà thực nhận là 5.475.000đ/tháng;

3. Buộc Công ty E trả tiền trợ cấp mất việc tính trên 17 năm làm việc dựa trên mức lương làm căn cứ nộp bảo hiểm xã hội bà thực nhận là 5.475.000đ/tháng;

4. Buộc Công ty E đóng tiền bảo hiểm xã hội còn thiếu tính đến ngày bà nộp đơn là 17.793.750đ. Số sổ Bảo hiểm xã hội của bà là 0204288650.

Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Củ Chi triệu tập bà đến làm việc, bà đã được giải thích các quy định của pháp luật lao động nên bà rút lại yêu cầu khởi kiện số 1 và số 2, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện số 3 và số 4, đối với yêu cầu khởi kiện số 4 bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi buộc Công ty E đóng tiền bảo hiểm xã hội còn thiếu tính đến ngày xét xử theo “Bảng tạm tính sổ phải đóng xác nhận chốt sổ Bảo hiểm xã hội của đơn vị nợ” của cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi.

** Bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Liên doanh E-có người đại diện theo pháp luật là ông Bùi Nguyễn Nhật Tr vắng mặt.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội huyện C: Tại Đơn xin vắng mặt ngày 12/4/2022 và “Bảng tạm tính số phải đóng xác nhận chốt số Bảo hiểm xã hội của đơn vị nợ” tính đến tháng 6/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm Xã hội huyện C-có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Ch trình bày:*

Tính đến tháng 06/2022, số tiền bảo hiểm xã hội Công ty E chậm đóng cho bà Lê Ánh Ng tại Bảo hiểm xã hội huyện C tổng cộng là 20.084.487đ, cụ thể:

- Tổng số tiền chậm đóng (bao gồm BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN) là 17.793.750đ;

- Số tiền lãi chậm đóng: 2.290.737đ.

Do bản công tác thường xuyên nên Bảo hiểm xã hội huyện C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:*

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Việc Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; Thời hạn gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; Thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định; Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, việc tham gia hỏi tại phiên tòa đúng quy định. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ kiện cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 24/11/2021, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền trợ cấp mất việc và nộp bảo hiểm xã hội còn thiếu do chấm dứt hợp đồng lao động, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp lao động về trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp bảo hiểm xã hội” quy định tại Điểm a, b, d Khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng tại phiên toà hôm nay vắng mặt không có lý do, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1]. Xét yêu cầu Công ty E trả tiền trợ cấp mất việc tính trên 17 năm làm việc dựa trên mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là 5.475.000đ/tháng:

Bà Lê Ánh Ng làm việc tại Công ty E từ năm 2004, tính đến thời điểm Công ty E ban hành Quyết định cho thôi việc số 07/57 QĐ.NV.21 ngày 18/6/2021 là 17 năm. Công ty E đơn phương cho bà Ng thôi việc vì lý do kinh tế theo quy định tại Khoản 11 Điều 34 của Bộ luật lao động năm 2019. Theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật lao động năm 2019 thì:

“Điều 42. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế

1....

2. Những trường hợp sau đây được coi là vì lý do kinh tế:

a) Khủng hoảng hoặc suy thoái kinh tế;

3....

4....

5. Trong trường hợp người sử dụng lao động không thể giải quyết được việc làm mà phải cho người lao động thôi việc thì phải trả trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật này”.

Tại Điều 47 của Bộ luật lao động năm 2019 quy định về trợ cấp mất việc làm như sau:

“1. Người sử dụng lao động trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động đã làm việc thường xuyên cho mình từ đủ 12 tháng trở lên mà bị mất việc làm theo quy định tại khoản 11 Điều 34 của Bộ luật này, cứ mỗi năm làm việc trả 01 tháng tiền lương nhưng ít nhất bằng 02 tháng tiền lương.

2. Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

3. Tiền lương để tính trợ cấp mất việc làm là tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động mất việc làm”.

Xét khi Công ty E cho bà Ng thôi việc, Công ty E chưa chi trả cho bà Ng bất kỳ khoản trợ cấp nào, bà Ng làm việc tại Công ty E và tham gia đóng Bảo hiểm xã

hội, Bảo hiểm y tế từ tháng 10/2004 đến tháng 6/2021 và Bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01/2009 đến tháng 6/2021 nên có cơ sở xác định bà Ng làm việc tại Công ty E. Nay bà Ng yêu cầu Công ty E chi trả tiền trợ cấp mất việc làm do bị mất việc làm là có cơ sở để chấp nhận, lương bình quân của 06 tháng liền kề theo phụ lục hợp đồng lao động để đóng bảo hiểm xã hội của bà Ng là 5.475.000đ, như vậy thời gian bà Ng làm việc được tính nhận trợ cấp mất việc từ tháng 10/2004 đến ngày 01/01/2009 là 04 năm 03 tháng thành 4,5 tháng, thành tiền là 5.475.000đ/tháng x 4,5 tháng = 24.637.500đ.

[3.2]. Xét yêu cầu Công ty E đóng tiền bảo hiểm xã hội còn thiếu tính đến ngày xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty E không đến Tòa án để làm việc. Tại văn bản số 206/ĐKKD-THKT ngày 10/01/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phúc đáp kết quả xác minh thông tin doanh nghiệp của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi thể hiện: “...*Công ty Cổ phần may mặc E có mã số doanh nghiệp là 0302995552, đến nay Công ty chưa đăng ký giải thể...*”

Xét Công ty E đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật và hiện chưa đăng ký giải thể, bà Nguyệt vào làm việc tại Công ty E vào năm 2004 và có ký hợp đồng lao động, lần ký phụ lục hợp đồng lao động gần nhất là vào ngày 02/01/2014, trong quá trình làm việc, Công ty E có trích lương và đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 10/2004 đến tháng 3/2020. Ngày 18/6/2021 Công ty E có quyết định cho bà Ng thôi việc vì lý do kinh tế nhưng từ tháng 4/2020 Công ty E đã không đóng Bảo hiểm xã hội cho bà Ng, vi phạm pháp luật lao động tại Khoản 2 Điều 21 của Luật Bảo hiểm Xã hội năm 2014, cụ thể:

“Điều 21. Trách nhiệm của người sử dụng lao động

1. *Lập hồ sơ để người lao động được cấp sổ bảo hiểm xã hội, đóng, hưởng bảo hiểm xã hội.*

2. *Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hằng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội”.*

Điều này cũng phù hợp với xác nhận của cơ quan Bảo hiểm Xã hội huyện Củ Chi về thời gian đóng của bà Ng như sau: “...*Đến thời điểm tháng 3/2020 Công ty E đã đóng đủ tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ –BNN. Từ tháng 4/2020 Công ty chưa đóng cho bà Ng... Tổng tiền bảo hiểm xã hội chậm đóng đến tháng 6/2022 là 17.793.750đ, tổng lãi chậm đóng là 2.551.095đ*”.

Việc Công ty E không đóng bảo hiểm xã hội cho bà Ng từ tháng 4/2020 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ng, vi phạm Điều 17 của Luật Bảo hiểm Xã hội năm 2014, trong đó có quyền lợi về việc hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Điều 44 của Luật việc làm năm 2013, cụ thể là:

“ Điều 44. Tham gia bảo hiểm thất nghiệp

1. Người sử dụng lao động phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động tại tổ chức bảo hiểm xã hội trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có hiệu lực.

2. Hằng tháng, người sử dụng lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp theo mức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 57 của Luật này và trích tiền lương của từng người lao động theo mức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 57 của Luật này để đóng cùng một lúc vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp”.

và Điều 49 của Luật Việc làm năm 2013 về thời gian đóng bảo hiểm như sau:

“Điều 49. Điều kiện hưởng

Người lao động quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật này đang đóng bảo hiểm thất nghiệp được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc...

2. Đã đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên trong thời gian 24 tháng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 43 của Luật này; đã đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên trong thời gian 36 tháng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 43 của Luật này;

3. Đã nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp tại trung tâm dịch vụ việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Luật này;

4. Chưa tìm được việc làm sau 15 ngày, kể từ ngày nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp...”.

Do vậy yêu cầu khởi kiện của bà Ng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận và Công ty E phải chịu thêm lãi suất của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội tính từ tháng 7/2022 theo lãi suất của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội trong năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[4] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bị đơn là Công ty E phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điểm b, d Khoản 1 Điều 32, Điểm c Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 34, Điều 42 và Điều 47 của Bộ luật lao động năm 2019

- Căn cứ vào Điều 17, Điều 21, Điều 44 và Điều 49 của Luật Bảo hiểm Xã hội năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Ánh Ng.

1.1. Buộc Công ty TNHH Liên doanh E phải nộp số tiền bảo hiểm xã hội (gồm tiền chậm đóng và tiền lãi chậm đóng) tính đến tháng 6/2022 là 20.084.487đ (Hai mươi triệu không trăm tám mươi bốn ngàn bốn trăm tám mươi bảy đồng) cho bà Lê Ánh Ng tại cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi.

Thi hành ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Quá thời hạn nêu trên, nếu Công ty TNHH Liên doanh E không thực hiện thì Công ty TNHH Liên doanh E còn phải chịu thêm tiền lãi tính từ tháng 7/2022 theo lãi suất của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội trong năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.2. Buộc Công ty TNHH Liên doanh E phải trả cho bà Lê Ánh Ng số tiền trợ cấp mất việc làm của 4,5 năm làm việc (từ năm 2004 đến ngày 01/01/2009) là 24.637.500đ (Hai mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bà Ng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Liên doanh E chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ các yêu cầu khởi kiện sau của bà Lê Ánh Ng:

- Buộc Công ty TNHH Liên doanh E trả tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội trong những ngày bà Ng không được làm việc tính từ ngày 19/6/2021 đến khi vụ án được đưa ra xét xử với mức lương làm căn cứ nộp bảo hiểm xã hội thực nhận là 5.475.000đ/tháng;

- Buộc Công ty TNHH Liên doanh E bồi thường 02 tháng tiền lương với mức lương làm căn cứ nộp bảo hiểm xã hội thực nhận là 5.475.000đ/tháng.

3. Án phí lao động sơ thẩm:

Công ty TNHH Liên doanh E phải chịu án phí lao động sơ thẩm về việc nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà Lê Ánh Ng là 1.004.224đ; án phí lao động sơ thẩm về việc trả tiền trợ cấp mất việc cho bà Lê Ánh Ng là 1.231.875đ. Tổng số tiền án phí Công ty TNHH Liên doanh E phải chịu là 2.236.099đ (Hai triệu hai trăm ba mươi

sáu ngàn không trăm chín mươi chín đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**